

Chủ đề: Các con vật nuôi trong nhà (My Pets)

Xin chào các bé! Hôm nay chúng mình sẽ cùng nhau học những từ vựng và mẫu câu thật thú vị về các bạn thú cưng đáng yêu nhé!

Phần 1: Từ vựng về các con vật nuôi (Vocabulary about Pets)

Chúng ta hãy cùng xem những bạn thú cưng quen thuộc được gọi tên bằng tiếng Anh như thế nào nhé.

Hình ảnh	Tiếng Anh (English)	Phiên âm đơn giản	Tiếng Việt (Vietnamese)
	Dog	/dɒg/	Con chó
	Cat	/kæt/	Con mèo
	Bird	/bɜːd/	Con chim
	Fish	/fɪʃ/	Con cá
	Rabbit	/'ræbɪt/	Con thỏ
	Hamster	/'hæmstə/	Chuột hamster

Phần 2: Tiếng kêu của các con vật (Animal Sounds)

Mỗi bạn thú cưng lại có tiếng kêu khác nhau. Chúng mình cùng lắng nghe xem các bạn ấy kêu như thế nào nhé!

- **Con chó (Dog)**

Tiếng kêu: woof woof / gâu gâu

Ví dụ: The dog says "woof woof". (Con chó kêu "gâu gâu".)

- **Con mèo (Cat)**

Tiếng kêu: meow / meo meo

Ví dụ: The cat says "meow". (Con mèo kêu "meo meo".)

- **Con chim (Bird)**

Tiếng kêu: tweet tweet / chíp chíp

Ví dụ: The bird says "tweet tweet". (Con chim kêu "chíp chíp".)

Phần 3: Các mẫu câu thông dụng (Common Sentences)

Bây giờ, chúng ta sẽ học cách đặt câu hỏi và trả lời về các bạn thú cưng nhé.

1. Hỏi và trả lời về tên con vật

Khi muốn hỏi "Đây là con vật gì?", các bé hãy dùng mẫu câu sau:

Cấu trúc câu hỏi: What is it?

Cấu trúc câu trả lời: It is a + [tên con vật].

- **Ví dụ 1:**

A: What is it? (*Đây là con gì?*)

B: It is a dog. (*Đó là một con chó.*)

- **Ví dụ 2:**

A: What is it? (*Đây là con gì?*)

B: It is a fish. (*Đó là một con cá.*)

2. Hỏi và trả lời về tiếng kêu của con vật

Để hỏi xem một con vật kêu như thế nào, chúng ta có mẫu câu:

Cấu trúc câu hỏi: What does the + [tên con vật] + say?

Cấu trúc câu trả lời: It says "[tiếng kêu]".

- **Ví dụ 1:**

A: What does the cat say? (*Con mèo kêu như thế nào?*)

B: It says "meow". (*Nó kêu "meo".*)

- **Ví dụ 2:**

A: What does the dog say? (*Con chó kêu như thế nào?*)

B: It says "woof woof". (*Nó kêu "gâu gâu".*)

3. Hỏi và trả lời về việc bạn có thú cưng không

Đây là mẫu câu để hỏi bạn mình có nuôi thú cưng không.

Cấu trúc câu hỏi: Do you have a pet?

Cấu trúc câu trả lời:

- Yes, I do. I have a [tên con vật]. (Nếu có)
- No, I don't. (Nếu không)

• Ví dụ 1:

A: Do you have a pet? (*Bạn có thú cưng không?*)

B: Yes, I do. I have a cat. (*Có, mình có. Mình có một con mèo.*)

• Ví dụ 2:

A: Do you have a pet? (*Bạn có thú cưng không?*)

B: No, I don't. (*Không, mình không có.*)

Phần 4: Luyện tập (Practice)

Các bé hãy cùng làm một vài bài tập nhỏ để ghi nhớ bài học nhé!

Bài tập 1: Nhìn hình và trả lời câu hỏi "What is it?"

1. (Hình một chú chó) → Trả lời: _____.
2. (Hình một chú chim) → Trả lời: _____.
3. (Hình một chú mèo) → Trả lời: _____.

Gợi ý đáp án: 1. It is a dog. 2. It is a bird. 3. It is a cat.

Bài tập 2: Hoàn thành câu về tiếng kêu

1. The dog says "_____".

2. The bird says "_____".

3. The cat says "_____".

Gợi ý đáp án: 1. woof woof. 2. tweet tweet. 3. meow.

Vậy là chúng ta đã học xong bài học về các bạn thú cưng rồi. Các bé đã làm rất tốt! Hãy thường xuyên ôn tập để nhớ từ vựng và mẫu câu nhé. Hẹn gặp lại các bé trong bài học tiếp theo!